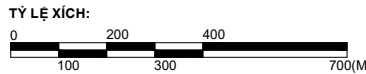
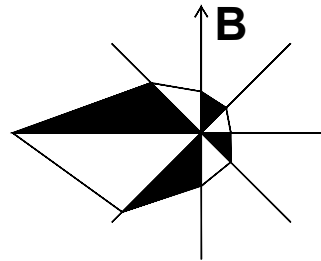


TỈNH TÂY NINH - XÃ PHƯỚC THẠNH
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP THẠNH - GIAI ĐOẠN I, TỶ LỆ 1/2000

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG THỐNG KÊ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
1	Đất Khu công nghiệp	299,08	60,40
1.1	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho bãi	242,01	48,87
1.2	Đất công nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ	49,72	10,04
1.3	Đất kho bãi	7,35	1,48
2	Đất dịch vụ - công cộng	35,11	7,09
2.1	Đất khu dịch vụ	20,03	4,04
2.2	Đất lưu trữ	11,64	2,35
2.3	Đất tiện ích công cộng	3,44	0,70
3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	9,60	1,94
3.1	Trạm biến áp	0,99	0,20
3.2	Trạm xử lý nước thải	3,29	0,66
3.3	Trạm bơm tăng áp	2,25	0,45
3.4	Kho trữ pin	3,07	0,62
4	Đất cây xanh	77,49	15,65
4.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	50,48	10,19
4.2	Đất cây xanh chuyên dụng	21,60	4,36
4.3	Hồ nước	4,42	0,89
4.4	Kênh, rạch	0,99	0,20
5	Đất giao thông	71,27	14,39
5.1	Đường giao thông	65,19	13,16
5.2	Đất bãi đậu xe	6,08	1,23
6	Đất an ninh	2,62	0,53
Tổng cộng		495,17	100,00

GHI CHÚ:

- ĐẤT PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO BÃI
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ, HỖ TRỢ
- ĐẤT LƯU TRỮ
- ĐẤT KHU DỊCH VỤ
- ĐẤT TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
- HỒ NƯỚC
- KÊNH, RẠCH
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

KÝ HIỆU:

- ĐƯỜNG CAO TỐC DỰ KIẾN
- QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH
- ĐƯỜNG HUYỆN HIỆN TRẠNG

